

TCT Cảng Hàng không Việt Nam (ACV)

Hàng loạt dự án mở rộng được triển khai

13/06/2025

Chuyên viên phân tích Nguyễn Ngọc Anh
(+84) 24-7303-5333 anhntn@kbsec.com.vn

1Q2025, ACV ghi nhận doanh thu 6,350 tỷ VND (+13% yoy). LNST đạt 3,120 tỷ VND (+7% yoy)

1Q2025, ACV ghi nhận doanh thu đạt 6,350 tỷ VND (+13% yoy). Trong đó, doanh thu hàng không chiếm tỷ trọng 85%, ghi nhận 5,368 tỷ VND (+15% yoy). LNST ghi nhận 3,120 tỷ VND, tăng 7% yoy, tăng chậm hơn doanh thu do chịu khoản lỗ tỷ giá 227 tỷ VND trong quý.

Khách quốc tế là động lực tăng trưởng chính, số lượt khách nội địa hồi phục sau hai năm tăng trưởng âm

Chúng tôi kỳ vọng số lượt khách quốc tế sẽ ghi nhận tăng trưởng 12% trong 2025 và 8-9%/năm giai đoạn 2026-2030 với động lực đến từ (1) thay đổi tích cực về chính sách thị thực, (2) nhiều đường bay mở mới, (3) các hãng hàng không liên tục mở rộng đội bay. Lượng khách nội địa hồi phục sau 2 năm tăng trưởng âm liên tiếp, tuy nhiên chỉ đạt tăng trưởng ở mức 3 – 4%/năm do giá vé máy bay cao và xu hướng chuyển sang sử dụng phương tiện khác.

Các dự án mở rộng đang được triển khai đúng tiến độ

Dự án T3 Tân Sơn Nhất đã hoàn thành và đi vào hoạt động từ tháng 4/2025. ACV đang đẩy nhanh tiến độ thi công Cảng HKQT Long Thành, dự kiến có thể khai thác từ 2026. Bên cạnh đó, trong 2Q2025 ACV đã bắt đầu khởi công một loạt dự án mở rộng nâng cấp tại các Cảng hàng không Cát Bi, Đồng Hới và Cà Mau, đảm bảo công suất khai thác được bổ sung liên tục.

Khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 109,500 VND/cổ phiếu

Chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu ACV, giá mục tiêu là 109,500 VND/cổ phiếu, cao hơn 18.1% so với giá đóng cửa ngày 12/06/2025.

Mua duy trì

Giá mục tiêu	VND 109.500
Tăng/giảm (%)	18.1%
Giá hiện tại (12/06/2025)	VND 92,700
Giá mục tiêu đồng thuận	VND 125,600
Vốn hóa thị trường	201.8/7.7
(nghìn tỷ VND/ tỷ USD)	

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	4.6%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	51.6/1.98
Sở hữu nước ngoài (%)	3.24%
Cổ đông lớn	Ủy ban Quản lý Vốn nhà nước tại Doanh nghiệp (95.4%)

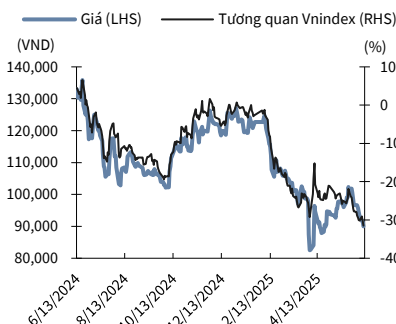
Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-4	-11	-24	-29
Tương đối	-5	-10	-28	-30

Dự phóng KQKD & định giá

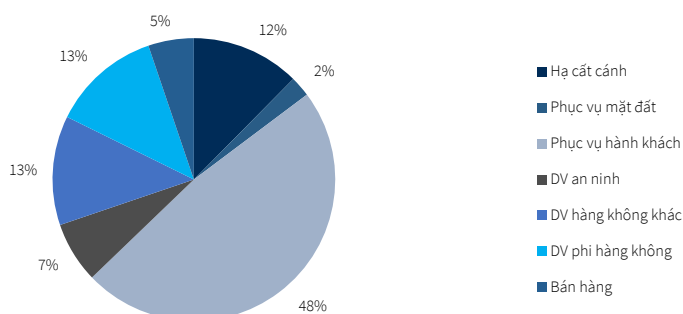
FY-end	2023	2024	2025F	2026F
Doanh số thuần (tỷ VND)	19,998	22,597	24,632	26,523
Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỷ VND)	10,467	14,431	14,946	15,683
Lợi nhuận của CB công ty mẹ (tỷ VND)	7,222	10,421	10,817	11,351
EPS (VND)	3,318	4,787	3,019	3,168
Tăng trưởng EPS (%)	28.6	44.2	-36.9	4.9
P/E (x)	27.9	19.4	30.7	29.3
P/B (x)	4.0	3.4	4.7	4.0
ROE (%)	16.8	19.5	17.4	15.4
Tỷ suất cổ tức (%)	0	0	0	0

Nguồn: Fiinpro, KBSV



Nguồn: Bloomberg, KBSV

Cơ cấu doanh thu 2023



Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Hoạt động kinh doanh

ACV hiện đang quản lý, đầu tư và khai thác hệ thống 22 Cảng hàng không trong cả nước, bao gồm 11 Cảng hàng không quốc tế và 11 Cảng hàng không nội địa. Ngành nghề kinh doanh chính của ACV là hoạt động cung cấp dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không, bao gồm dịch vụ hàng không, dịch vụ phi hàng không và bán hàng.

Điểm nhấn đầu tư

Tăng trưởng bền vững đến từ cả nhóm vận tải nội địa và quốc tế. Lượng khách nội địa và quốc tế của ACV dự kiến sẽ tăng trung bình 4% và 9%/năm giai đoạn 2025-2030.

Quá trình lên HOSE của ACV tiến triển thuận lợi, được hỗ trợ bởi việc các tài sản nhà nước đang dần được tách bạch, tạo thuận lợi cho việc hoàn tất cổ phần hóa tài sản khu bay cho phần vốn nhà nước

Nhà ga T3 Tân Sơn Nhất và Cảng HKQT Long Thành đảm bảo dự địa tăng trưởng trong dài hạn cho ACV. Tổng công suất của ACV tăng 17%/18% yoy sau khi 2 dự án lần lượt đưa vào vận hành từ 2025/2026

Chú thích

Chi tiết ở phần dưới của báo cáo

Tham khảo trong báo cáo kỳ trước [tại đây](#)

Chi tiết ở phần dưới của báo cáo

Dự phóng kết quả kinh doanh

(tỷ VND)	Dự phóng của KBSV		Thay đổi với kỳ trước		Dự phóng đồng thuận*		Chênh lệch	
	2025E	2026E	2025E	2026E	2025E	2026E	2025E	2026E
Doanh thu	24,632	26,523	-1%	-3%	24,876	27,155	-1%	-2%
EBIT	15,321	15,833	+11%	+19%	14,419	16,298	+6%	-3%
LNST công ty mẹ	10,817	11,351	+10%	+20%	11,860	13,131	-9%	-14%

Nguồn: Bloomberg, KBSV ước tính

*Dự phóng đồng thuận: là dự phóng trung bình của các CTCK được Bloomberg tổng hợp và tính toán

Quan điểm định giá

Kịch bản tích cực	VND 116,300	Kịch bản cơ sở: 1) Sản lượng khách nội địa/ quốc tế 2025 tăng 3%/12% 2) CAGR hàng hóa 5.5% đến 2030 Kịch bản tích cực: 1) Sản lượng khách nội địa/ quốc tế 2025 tăng 4%/14% 2) CAGR hàng hóa 6.5% đến 2030 Kịch bản tiêu cực: 1) Sản lượng khách nội địa/ quốc tế 2025 thay đổi -2%/+11% yoy 2) CAGR hàng hóa 2.2% đến 2030
Kịch bản cơ sở (Giá mục tiêu)	VND 109,500	
Giá hiện tại	VND 92,700	
Kịch bản tiêu cực	VND 91,700 (thuế đối ứng tác động mạnh)	

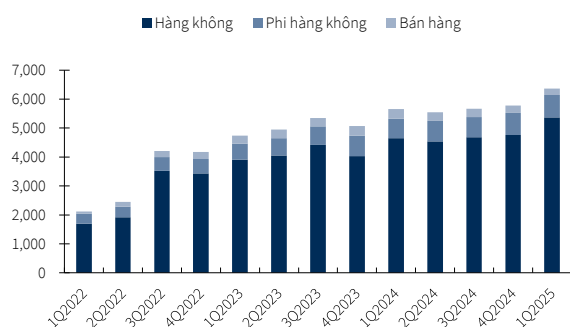
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Bảng 1. Cập nhật Kết quả kinh doanh

(tỷ VND)	Q1/2024	Q1/2025	+/-%YoY	Chú thích
Doanh thu	5,644	6,350	13%	Hoàn thành 26% doanh thu kế hoạch 2025 (24,518 tỷ VND)
Hàng không	4,655	5,368	15%	1Q2025, số lượt khách quốc tế/nội địa lần lượt đạt 11.8/18.1 triệu lượt, tăng 13%/3% yoy
Phi hàng không	666	771	16%	
Bán hàng	340	230	-32%	
Lợi nhuận gộp	3,600	4,349	21%	
<i>Biên lợi nhuận gộp</i>	64%	68%	4 ppts	Biên gộp cải thiện do tỷ trọng số lượt khách quốc tế trong tổng số lượt khách qua cảng hàng không Việt Nam 1Q2025 đã tăng từ 29% lên 39%
Thu nhập tài chính	479	250	-48%	Lãi tiền gửi giảm từ 346 tỷ VND xuống 194 tỷ VND trong 1Q2025, không còn khoản lãi chênh lệch tỷ giá 83 tỷ VND ghi nhận 1Q2024
Chi phí tài chính	-19	-279	1384%	Chi phí tài chính tăng đến từ khoản lỗ chênh lệch tỷ giá cuối kỳ 1Q2025 ghi nhận 227 tỷ VND do đồng Yên đã tăng 5.5% so với đầu năm
Lợi nhuận từ công ty LD, LK	61	98	62%	
SG&A	498	561	13%	
Lãi/ lỗ từ hoạt động kinh doanh	3,623	3,857	6%	
Thu nhập khác	6	8	45%	
Lợi nhuận trước thuế	3,629	3,865	7%	
Lợi nhuận sau thuế	2,921	3,120	7%	Hoàn thành 25% LNST kế hoạch 2025 (12,623 tỷ VND)
LNST công ty mẹ	2,594	2,713	5%	
<i>Biên LNST</i>	46%	43%	-3 ppts	

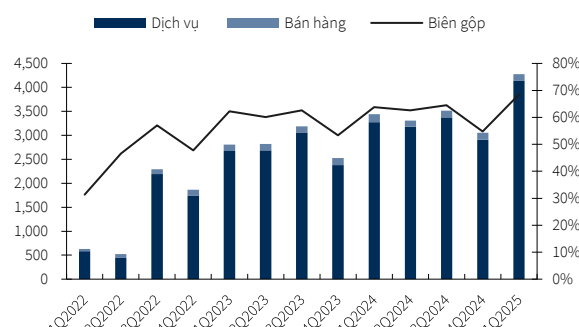
Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Biểu đồ 2. Cơ cấu doanh thu ACV (tỷ VND)

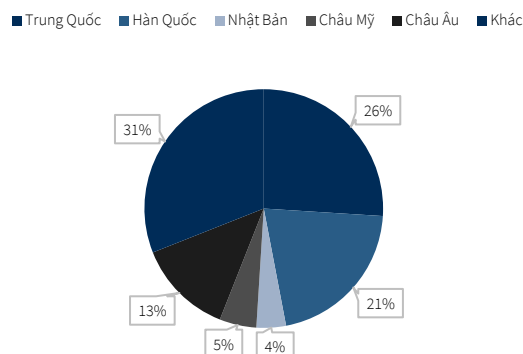


Nguồn: ACV, KBSV

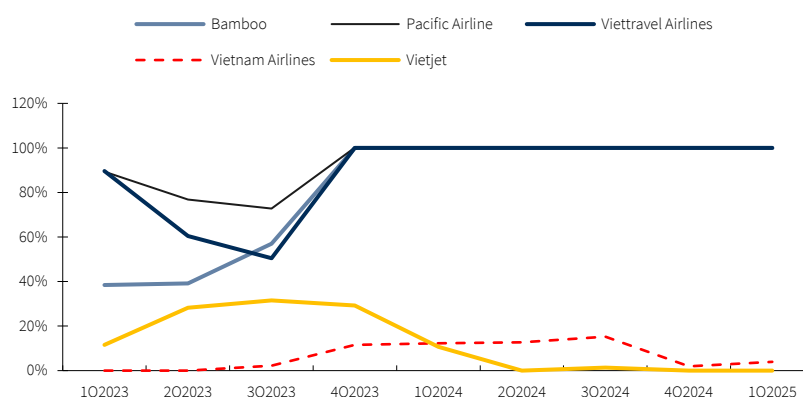
Biểu đồ 3. Cơ cấu lợi nhuận và biên gộp ACV (% , tỷ VND)



Nguồn: ACV, KBSV

Biểu đồ 4. Cơ cấu khách quốc tế đến Việt Nam 5 tháng đầu 2025

Nguồn: GSO

Biểu đồ 5. Tỷ lệ trích lập/tổng nợ xấu theo hãng hàng không

Nguồn: ACV

Tính đến cuối 1Q2025, nợ xấu vẫn là vấn đề lớn với tổng nợ xấu lên đến 5,863 tỷ VND. Tỷ lệ trích lập của Bamboo, Pacific Airlines và Vietravel Airlines vẫn đang ở mức 100%, nợ xấu cuối 1Q2025 lần lượt ở mức 2,475/886/393 tỷ VND.

Trích lập dự phòng của 2 hãng hàng không lớn là Vietnam Airlines và Vietjet cải thiện rõ rệt, mức nợ xấu của Vietjet đã giảm xuống 0 từ 4Q2024.

Trích lập nợ xấu của các hãng hàng không dự kiến sẽ cải thiện khi ngành hàng không đang vào đà phục hồi trở lại, tuy nhiên có thể ảnh hưởng đến dòng tiền và chất lượng tài sản của ACV trong tương lai nếu không được xử lý hiệu quả.

Khách quốc tế là động lực tăng trưởng chính, số lượt khách nội địa hồi phục sau hai năm tăng trưởng âm

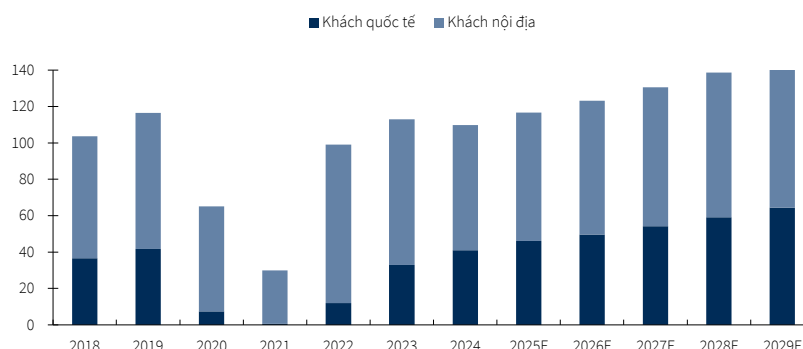
5 tháng đầu năm 2025, số lượt khách quốc tế đường hàng không đạt 19 triệu khách (+13% yoy), trong đó ghi nhận sự hồi phục mạnh mẽ từ thị trường Trung Quốc – đóng góp 2.36 triệu khách (chiếm 25.7% lượng khách quốc tế đến Việt Nam) – tăng trưởng 47.2% yoy, vượt mức trước Covid. Chúng tôi kỳ vọng số lượt khách quốc tế sẽ ghi nhận tăng trưởng 12% trong 2025 và 8-9%/năm giai đoạn 2026-2030 với động lực đến từ (1) thay đổi tích cực về chính sách thị thực, (2) các hãng hàng không đẩy mạnh tăng tần suất bay, mở mới đường bay quốc tế, (3) Vietnam Airlines và Vietjet Air đều có kế hoạch mua thêm lượng lớn tàu bay trong giai đoạn tới (đã mua thêm 7 tàu bay từ cuối 2024 đến nay).

Nhu cầu du lịch nội địa kỳ vọng hồi phục từ 2025 nhờ việc phục hồi và mở mới nhiều đường bay nội địa, tuy nhiên tốc độ tăng trưởng dự kiến tương đối thấp, chỉ ở mức 3 – 4%/năm do giá vé máy bay tăng cao cùng với xu hướng du lịch bằng các phương tiện khác như tàu hỏa trở nên phổ biến hơn.

ACV không chịu nhiều ảnh hưởng trực tiếp từ thuế đối ứng

Thuế đối ứng dự kiến áp dụng từ 2H2025 sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam, kéo theo giảm sản lượng hàng hóa qua cảng hàng không. Tuy nhiên doanh thu từ dịch vụ hàng hóa ước tính chỉ chiếm chưa tới 10% trong cơ cấu doanh thu của ACV, trong khi sản lượng hàng hóa ước tính sẽ giảm khoảng 20 – 25% do ảnh hưởng của thuế đối ứng, do đó chúng tôi đánh giá sẽ tác động không nhiều đến lợi nhuận của doanh nghiệp.

Biểu đồ 6. Lưu lượng khách qua cảng hàng không Việt Nam 2018 – 2029 (triệu lượt)



Nguồn: ACCV, KBSV

Các dự án mở rộng đảm bảo tăng trưởng dài hạn cho ACV

4 dự án thành phần của Cảng HKQT Long Thành đang được đẩy nhanh thi công, tiến độ đã tăng tốc rõ rệt so với đầu năm nay. Trong đó, dự án thành phần 3 – dự án quan trọng nhất đang được đẩy nhanh tiến độ với mục tiêu hoàn thành trước 31/12/2025 – hiện đã hoàn thành 3/14 gói thầu, đang triển khai thi công 9/14 gói thầu và chuẩn bị lựa chọn nhà thầu 2/14 gói thầu. Tổng giá trị khối lượng thi công đến nay đạt 34,365/77,357 tỷ VND, đạt 44.42%. Đường cất hạ cánh (CHC) số 1 đã hoàn thành vào cuối tháng 4/2025, đường CHC số 2 khởi công vào cuối tháng 5/2025, hoàn thành trong 12 tháng. Hiện dự án thành phần 3 vẫn đang gặp khó khăn về nguồn nguyên vật liệu, nếu được khắc phục kịp thời dự kiến có thể bắt đầu đưa vào khai thác và đóng góp vào KQKD cho ACV từ 2026.

Bên cạnh đó, ngoài dự án nhà ga T3 Tân Sơn Nhất mới (công suất 20 triệu khách/năm) được đưa vào khai thác và đại dự án Cảng HKQT Long Thành 1 (công suất 25 triệu khách/năm) đang được triển khai, trong 2Q2025 ACV cũng đã khởi công nhiều dự án mới, bao gồm sân đỗ máy bay Cảng HKQT Cát Bi, nhà ga hành khách T2 – CHK Đồng Hới, mở rộng nâng cấp CHK Cà Mau. Các dự án mới liên tục được khởi công và đưa vào khai thác sẽ đảm bảo tăng trưởng về công suất cho ACV trong trung và dài hạn.

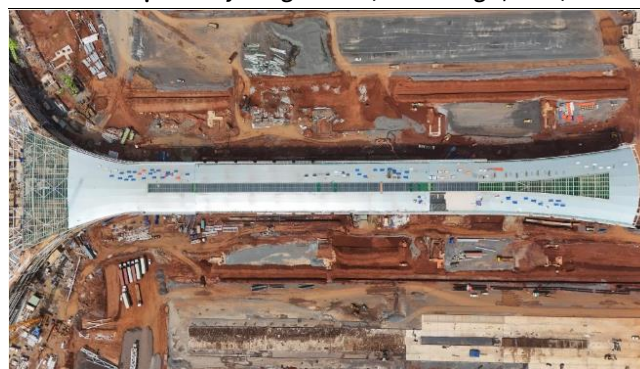
Bảng 7. Các dự án chủ lực ACV triển khai trong giai đoạn từ nay đến 2030

Dự án	TMDT (tỷ VND)	Công suất hiện tại (triệu khách)	Công suất MR (triệu khách)	Kế hoạch xây dựng	Tiến độ
Long Thành GĐ 1	109,000	0	25	2023-2026	Xây dựng từ cuối tháng 10/2023, quy mô theo quy hoạch điều chỉnh gồm 2 đường CHC, 1 nhà ga hành khách công suất 25 triệu khách/năm, 1.2 triệu tấn hàng hóa/năm.
Long Thành GĐ 2	76,600	25	25	2027-2030	Chưa triển khai
Nhà ga T3 Tân Sơn Nhất	10,990	30	20	2023-2025	Hoàn thành và chính thức đưa vào khai thác từ tháng 4/2025
MR nhà ga T2 Nội Bài	4,983	25	5	2023-2025	Khởi công vào tháng 5/2024
Nhà ga T2 Cát Bi - Hải Phòng	3,147	2	5	2024-2026	Dự kiến khởi công từ 3Q2025, thời gian 18 tháng
Nhà ga T2 - Đồng Hới	1,843	0.5	3	2024-2026	Bao gồm nhà ga hành khách và công trình phụ trợ trên diện tích 1.2 ha, khởi công tháng 4/2025, dự kiến vận hành từ quý 4/2026
Mở rộng CHK Cà Mau	2,400	0.3	0.2	2024-2025	Khởi công vào tháng 4/2025. Công suất có thể mở rộng lên 1 triệu khách khi có nhu cầu.

Nguồn: ACV, KBSV tổng hợp

Ảnh 8. Tiến độ sân bay Long Thành (cuối tháng 5/2025)

Nguồn: V_KBSource

Ảnh 9. Tiến độ sân bay Long Thành (cuối tháng 5/2025)

Nguồn: V_KBSource

ACV dự kiến chia cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 64.58%

Trong nghị quyết trình ĐHCĐ sắp tới đây, ACV có kế hoạch chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ lên đến 64.58%, tương đương 14,059,439,554,899 cổ phiếu, sử dụng lợi nhuận giữ lại của doanh nghiệp, dự kiến thực hiện trong 2025. Sau khi phát hành thành công, vốn điều lệ của ACV sẽ tăng mạnh từ 21,771 tỷ VND lên 35,830 tỷ VND và được sử dụng để tái đầu tư vào các dự án lớn như Cảng HKQT Long Thành.

DỰ PHÓNG KQKD & ĐỊNH GIÁ

Bảng 10. Dự phóng Kết quả kinh doanh

(tỷ VND)	2024	2025F	+/-%YoY	2026F	+/-%YoY	Chú thích
Doanh thu	22,597	24,632	9%	26,523	8%	Hoàn thành 100% doanh thu kế hoạch 2025
Hàng không	18,647	20,351	9%	21,709	7%	Tổng lượt khách qua cảng hàng không Việt Nam 2025/2026 đạt 117/123 triệu lượt (+6.4/5.3% yoy) -Năm 2025, khách quốc tế/nội địa đạt tăng trưởng 12%/3% yoy, ghi nhận 46/71 triệu lượt -Năm 2026, khách quốc tế/nội địa đạt tăng trưởng 8%/4% yoy, ghi nhận 46/71 triệu lượt
Phi hàng không	2,831	3,065	8%	3,286	7%	
Bán hàng	1,181	1,339	13%	1,659	24%	T3 Tân Sơn Nhất/ Long Thành 1 lần lượt đi vào hoạt động từ giữa 2025/ đầu 2026
Lợi nhuận gộp	13,873	15,740	13%	16,662	6%	
<i>Biên lợi nhuận gộp</i>	<i>61%</i>	<i>64%</i>	<i>+3 ppts</i>	<i>63%</i>	<i>-1 ppt</i>	Biên gộp tăng do tỷ trọng khách quốc tế tiếp tục tăng trong 2025
Thu nhập tài chính	1,739	953	-45%	859	-10%	Giảm do lãi tiền gửi giảm đến từ tăng đầu tư vào các dự án mở rộng
Chi phí tài chính	-105	-452	332%	-357	-21%	Tăng mạnh do ghi nhận khoản lỗ tỷ giá 340 tỷ VND trong 2025 (giả định đồng Yên tăng giá 7.5%)
Lợi nhuận từ công ty LD, LK	336	340	1%	279	-18%	
SG&A	-1,413	-1,634	16%	-1,760	8%	
Lãi/ lỗ từ hoạt động kinh doanh	14,431	14,946	4%	15,683	5%	
Thu nhập khác	33	34	2%	37	8%	
Lợi nhuận trước thuế	14,465	14,980	4%	15,720	5%	
Lợi nhuận sau thuế	11,677	12,222	5%	12,826	5%	Hoàn thành 97% LNST kế hoạch
LNST công ty mẹ	10,421	10,817	4%	11,351	5%	
<i>Biên LNST</i>	<i>46%</i>	<i>44%</i>	<i>-2 ppts</i>	<i>43%</i>	<i>-1 ppt</i>	

Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Chúng tôi khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 109,500 VND/cổ phiếu

Sử dụng phương pháp chiết khấu dòng tiền cho ACV, chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu ACV, giá mục tiêu 109,500 VND/cổ phiếu do (1) giá cổ phiếu gần đây đã có đợt điều chỉnh giảm đáng kể và (2) các dự án mở rộng đang triển khai đúng tiến độ sẽ liên tục bổ sung thêm công suất đảm bảo đà tăng trưởng trong cả ngắn và dài hạn cho doanh nghiệp. Giá mục tiêu tương đương với mức tăng giá tiềm năng 18.1% so với mức giá đóng cửa 92,700 VND/cổ phiếu ngày 12/06/2025 dựa trên các giả định:

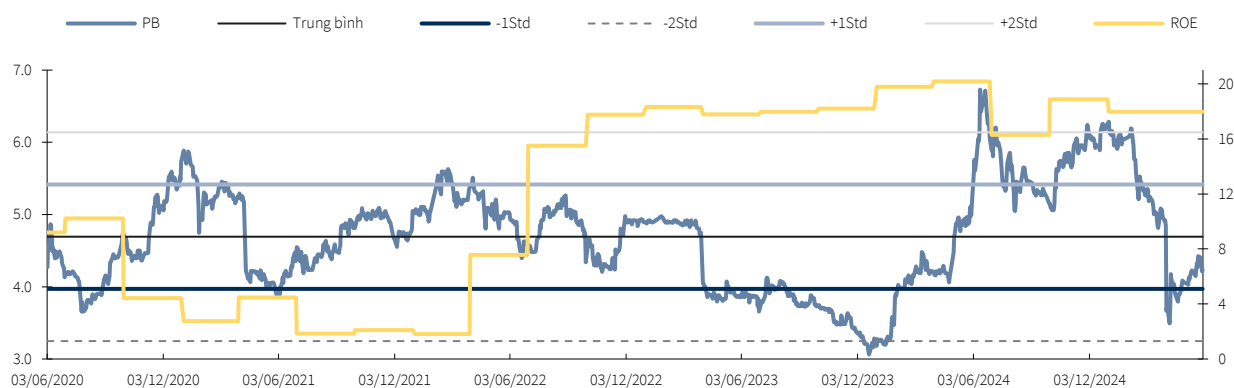
- Chúng tôi điều chỉnh theo hướng thận trọng, giảm giả định tăng trưởng số lượt khách qua cảng hàng không do số thống kê 5 tháng đầu năm tăng trưởng thấp hơn dự kiến cũng như lo ngại tác động từ thuế quan đến nền kinh tế sẽ kéo giảm tăng trưởng nhu cầu đi lại du lịch. Cụ thể, khách quốc tế duy trì đà tăng từ 8-9%/năm giai đoạn từ nay đến 2030, riêng 2025 ghi nhận tăng trưởng 12% yoy đến từ sự phục hồi mạnh của khách Trung Quốc. Lưu lượng khách nội địa bắt đầu phục hồi từ 2025, mức tăng trung bình 3-4%/năm.
- Dự án MR nhà gà T2 Nội Bài hoàn thành vào 2026, dự án Long Thành giai đoạn 1 và giai đoạn 2 bắt đầu đưa vào khai thác từ đầu 2026 và đầu 2032.

- Giá dịch vụ hàng không sẽ điều chỉnh tăng sau mỗi 2-3 năm, mỗi lần tăng trung bình 2-3%.

Bảng 11. Định giá ACV

(tỷ VND)	2025	2026	2027	2028	2029	2030	2031	2032	2033	2034	2035	2036	2037	2038	2039
EBIT	13,489	14,198	13,818	15,863	18,983	19,384	20,432	22,596	26,384	30,492	34,988	39,861	45,200	51,075	57,561
Khấu hao	2,580	3,070	5,628	8,752	9,495	9,985	11,204	12,150	13,613	14,956	9,981	9,981	9,981	9,981	9,981
Đầu tư TS cố định	-38,602	-44,139	-1,870	-2,070	-2,275	-24,700	-47,148	-11,020	-3,320	-3,650	-4,214	-4,635	-5,098	-5,608	-6,171
Tăng vốn lưu động	48	686	-11	-76	-2,081	1,570	-2,118	202	-2,580	280	-2,534	90	-2,782	-184	-3,085
Giá trị hiện tại FCFF	-24,373	-25,315	12,620	14,691	13,994	2,064	-10,786	9,822	12,923	14,441	11,436	12,248	11,354	11,981	11,239
Giá trị dài hạn															149,371
Giá trị doanh nghiệp															227,710
Tiền & tương đương tiền															20,525
Nợ															9,827
Giá trị VCSH															238,407
Cổ phiếu lưu hành (triệu cổ phiếu)															2,177
Giá trị hợp lý (VND/cổ phiếu)															109,500

Nguồn: KBSV

Biểu đồ 12. P/B lịch sử

Nguồn: Bloomberg

TCT Cảng Hàng không Việt Nam (ACV) – Bảng tóm tắt KQKD & Dự phóng 2023A-2026F

Báo cáo Kết quả HDKD (Tỷ VNĐ)					Bảng cân đối kế toán (Tỷ VNĐ)				
(Báo cáo chuẩn)	2023	2024	2025F	2026F	(Báo cáo chuẩn)	2023	2024	2025F	2026F
Doanh số thuần	19,998	22,597	24,632	26,523	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	67,348	77,282	110,401	150,903
Giá vốn hàng bán	8,137	8,723	8,892	9,861	TÀI SẢN NGẮN HẠN	42,680	40,695	39,331	38,411
Lãi gộp	11,861	13,873	15,740	16,662	Tiền và tương đương tiền	2,844	6,307	5,200	3,200
Thu nhập tài chính	2,215	1,739	953	859	Giá trị thuần đầu tư ngắn hạn	25,896	20,249	20,249	20,249
Chi phí tài chính	105	105	452	357	Các khoản phải thu	12,672	12,309	12,147	13,080
Trong đó: Chi phí lãi vay	67	61	341	114	Hàng tồn kho, ròng	468	294	406	450
Lãi/(lỗ) từ công ty liên doanh (từ năm 2015)	260	336	340	279	TÀI SẢN DÀI HẠN	24,668	36,587	71,069	112,493
Chi phí bán hàng	338	369	403	434	Phải thu dài hạn	266	266	266	266
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3,427	1,043	1,232	1,326	Tài sản cố định	13,140	12,039	17,519	58,031
Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh	10,467	14,431	14,946	15,683	Tài sản dở dang dài hạn	7,888	20,893	49,895	50,806
Thu nhập khác	29	45	0	0	Đầu tư dài hạn	2,849	3,008	3,008	3,008
Chi phí khác	3	12	0	0	Lợi thế thương mại	0	0	0	0
Thu nhập khác, ròng	26	33	34	37	NỢ PHẢI TRẢ	16,934	17,241	40,041	67,718
Lãi/(lỗ) từ công ty liên doanh	0	0	0	0	Nợ ngắn hạn	6,722	7,634	8,987	14,355
Lãi/(lỗ) ròng trước thuế	10,492	14,465	14,980	15,720	Phải trả người bán	1,188	1,685	990	1,953
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	2,022	2,788	2,758	2,894	Người mua trả tiền trước	4	5	0	0
Lãi/(lỗ) thuần sau thuế	8,470	11,677	12,222	12,826	Vay ngắn hạn	410	396	2,367	6,159
Lợi ích của cổ đông thiểu số	1,247	1,256	1,406	1,475	Nợ dài hạn	10,212	9,607	31,054	53,363
Lợi nhuận của Cổ đông của Công ty mẹ	7,222	10,421	10,817	11,351	Phải trả nhà cung cấp dài hạn	0	0	0	0
Chi số hoạt động					Người mua trả tiền trước dài hạn	0	0	0	0
	2023	2024	2025F	2026F	Doanh thu chưa thực hiện	0	0	0	0
Tỷ suất lợi nhuận gộp	59.3%	61.4%	63.9%	62.8%	Vay dài hạn	10,046	9,346	30,794	53,102
Tỷ suất EBITDA	68.3%	89.5%	98.1%	95.9%	VỐN CHỦ SỞ HỮU	50,414	60,041	70,353	83,179
Tỷ suất EBIT	52.8%	64.3%	62.2%	59.7%	Vốn góp	21,772	21,772	35,831	35,831
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế	52.5%	64.0%	60.8%	59.3%	Thặng dư vốn cổ phần	15	15	15	15
Tỷ suất lợi hoạt động KD	52.3%	63.9%	60.7%	59.1%	Lãi chưa phân phối	22,542	32,166	30,329	43,155
Tỷ suất lợi nhuận thuần	36.1%	46.1%	43.9%	42.8%	Vốn Ngân sách nhà nước và quỹ khác	0	0	0	0
					Lợi ích cổ đông không kiểm soát	0	0	0	0
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Tỷ VNĐ)					Chỉ số chính (x, %, VNĐ)				
	2023	2024	2025F	2026F	Chỉ số định giá				
Lãi trước thuế	10,492	14,465	14,980	15,720	P/E	27.9	19.4	30.7	29.3
Khấu hao TSCĐ	2,364	2,289	2,586	3,106	P/E pha loãng	27.9	19.4	30.7	29.3
Lãi/(lỗ) từ hoạt động đầu tư	2,022	1,622	0	0	P/B	4.0	3.4	4.7	4.0
Chi phí lãi vay	67	61	0	0	P/S	10.1	8.9	13.5	12.5
Lãi/(lỗ) trước những thay đổi vốn lưu động	12,987	14,741	17,566	18,826	P/Tangible Book	4.0	3.4	4.7	4.0
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	-3,426	-2,644	162	-933	P/Cash Flow	29.0	21.1	23.0	20.2
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	-20	159	-112	-44	Giá trị doanh nghiệp/EBITDA	14.8	10.0	13.7	13.1
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	159	334	-695	963	Giá trị doanh nghiệp/EBIT	19.1	13.9	21.7	21.0
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	55	24	154	46					
Chứng khoán kinh doanh, chi phí lãi vay, thuê và khác	-717	-560	0	0	Hiệu quả quản lý				
Lưu chuyển tiền tệ ròng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh	6,969	9,574	14,447	16,429	ROE%	17%	19%	17%	15%
Tiền mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-12,894	-13,263	-38,972	-44,529	ROA%	13%	15%	11%	8%
Tiền thu được từ thanh lý tài sản cố định	1	3	0	0	ROIC%	18%	23%	16%	11%
Tiền cho vay hoặc mua công cụ nợ	-2,053	-1,506	0	0	Cấu trúc tài chính				
Tiền thu từ cho vay hoặc thu từ phát hành công cụ nợ	6,655	7,153	0	0	Tỷ suất thanh toán tiền mặt	4.3	3.5	2.8	1.6
Đầu tư vào các doanh nghiệp khác	0	0	0	0	Tỷ suất thanh toán nhanh	0.8	1.1	1.0	1.0
Tiền thu từ bán các khoản đầu tư vào các doanh nghiệp khác	0	0	0	0	Tỷ suất thanh toán hiện thời	6.2	5.1	4.2	2.5
Cổ tức và tiền lãi nhận được	2,018	1,812	0	0	Vốn vay dài hạn/Vốn CSH	0.2	0.2	0.4	0.6
Lưu chuyển tiền tệ ròng từ hoạt động đầu tư	-6,273	-5,800	-38,972	-44,529	Vốn vay dài hạn/Tổng Tài sản	0.1	0.1	0.3	0.4
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và vốn góp	0	0	0	0	Vốn vay ngắn hạn/Vốn CSH	0.0	0.0	0.0	0.1
Chi trả cho việc mua lại, trả lại cổ phiếu	0	0	0	0	Vốn vay ngắn hạn/Tổng Tài sản	0.0	0.0	0.0	0.0
Tiền thu được các khoản đi vay	0	0	23,814	28,467	Công nợ ngắn hạn/Vốn CSH	0.1	0.1	0.1	0.2
Tiền trả các khoản đi vay	-366	-406	-396	-2,367	Công nợ ngắn hạn/Tổng Tài sản	0.1	0.1	0.1	0.1
Tiền thanh toán vốn gốc đi thuê tài chính	0	0	0	0	Tổng công nợ/Vốn CSH	0.3	0.3	0.6	0.8
Cổ tức đã trả	-2	-7	0	0	Tổng công nợ/Tổng Tài sản	0.3	0.2	0.4	0.4
Tiền lãi đã nhận	0	0	0	0	Chỉ số hoạt động				
Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động tài chính	-368	-414	23,419	26,100	Hệ số quay vòng phải thu khách hàng	1.6	1.8	2.0	2.0
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	328	3,361	-1,107	-2,000	Hệ số quay vòng HTK	17.4	29.7	21.9	21.9
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	2,497	2,844	6,307	5,200	Hệ số quay vòng phải trả nhà cung cấp	7.7	6.0	6.7	6.7
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	2,844	6,307	5,200	3,200					

Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

KHOÍ PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Khối phân tích

research@kbsec.com.vn

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích

binhnx@kbsec.com.vn

Tài chính

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm

tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích

linhpp@kbsec.com.vn

Hàng tiêu dùng

Nguyễn Đức Quân – Chuyên viên phân tích

quannd@kbsec.com.vn

Nguyễn Hoàng Duy Anh – Chuyên viên phân tích

anhnhd@kbsec.com.vn

Bất động sản

Phạm Hoàng Bảo Nga – Trưởng nhóm

ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Trang – Chuyên viên phân tích

trangnt6@kbsec.com.vn

Công nghiệp & Nguyên vật liệu

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên cao cấp

nguyennd1@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích

anhntn@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Chiến lược

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & chiến lược

anhtd@kbsec.com.vn

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích

tienss@kbsec.com.vn

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích

thuannd@kbsec.com.vn

Năng lượng, Tiện ích & Công nghệ

Nguyễn Việt Anh – Chuyên viên phân tích

anhnv3@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ

thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ

huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Quận Ba Đình, TP Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà Văn phòng, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, TP Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 21, Tòa nhà Vietinbank, số 93 - 95 Hàm Nghi, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, số 37 Tôn Đức Thắng, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Hotline: 1900 1711

Email: info@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(Dựa trên kỳ vọng tăng giá trong 6 tháng tới)

Mua:	Trung lập:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(Dựa trên đánh giá triển vọng trong 6 tháng tới)

Tích cực:	Trung lập:	Tiêu cực:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin, dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Khách hàng nên độc lập cân nhắc hoàn cảnh, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.